

Ninh Khang, ngày 03 tháng 04 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường mầm non Ninh Khang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí	150,000,000	0	0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	60,000,000	0	0.00	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	90,000,000	0	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
2	Phí				
	Học phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>7,015,300,000</b>	<b>5,161,200,000</b>	<b>29.29</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>7,015,300,000</b>	<b>5,161,200,000</b>	<b>29.29</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>7,015,300,000</b>	<b>2,054,537,343</b>	<b>29.29</b>	
3.1	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>7,015,300,000</b>	<b>2,037,179,343</b>	<b>29.04</b>	
	Tiền lương		820,731,904		
	Phụ cấp lương		448,013,389		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		2,500,000		
	Phúc lợi tập thể		153,600,000		
	Các khoản đóng góp		214,916,868		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		24,207,661		
	Vật tư văn phòng		95,145,824		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		538,505		
	Công tác phí		4,200,000		
	Chi phí thuê mướn		26,665,000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		76,177,500		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		106,164,692		
	Chi khác (7750)		23,400,000		
	Chi cho các sự kiện lớn		40,918,000		
3.2	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>17,358,000</b>	<b>17,358,000</b>	<b>100.00</b>	
	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số		17,358,000		
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

Ninh Khang, ngày 03 tháng 04 năm 2025



Lê Thị Thúy